

Số: 07 /GPMT-PTNMT

Châu Thành, ngày 25 tháng 11 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN CHÂU THÀNH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của UBND huyện Châu Thành ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành;

Căn cứ Quyết định số 4015/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2022 của UBND huyện Châu Thành về việc ủy quyền cho Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ liên quan trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của UBND huyện Châu Thành;

Xét văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Hộ kinh doanh Nha khoa Trương Ngọc ngày 16 tháng 10 năm 2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Tổ thẩm định cấp Giấy phép môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Hộ kinh doanh Nha khoa Trương Ngọc, địa chỉ: Số 06 đường Nguyễn Trãi, khóm Hòa Long 4, thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Phòng khám Nha khoa Trương Ngọc với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Phòng khám Nha khoa Trương Ngọc.

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 06 đường Nguyễn Trãi, khóm Hòa Long 4, thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, với tứ cận tiếp giáp như sau:

+ Phía Bắc (phải): tiếp giáp nhà dân;

+ Phía Đông (trước): tiếp giáp Công viên Chợ An Châu;

- + Phía Nam (trái): tiếp giáp nhà dân;
- + Phía Tây (sau): tiếp giáp đất trống và lối đi nội bộ của người dân.
- Tọa độ vị trí các điểm mốc cơ sở được thể hiện trong bảng sau:

Điểm	Hệ tọa độ VN2000	
	Tọa độ X (m)	Tọa độ Y (m)
Điểm M1	1155078	569961
Điểm M2	1155103	569978
Điểm M3	1155085	569967
Điểm M4	1155090	569969

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư: Mã số đăng ký hộ kinh doanh: 52J8034796 cấp lần đầu ngày 19/7/2024 do Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Châu Thành cấp.

1.4. Mã số thuế: 8461385243-001

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Dự án y tế (*Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa răng, hàm, mặt*).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Tổng diện tích dự án 61,5 m² tại số 06 đường Nguyễn Trãi, khóm Hòa Long 4, thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Bao gồm các hạng mục công trình như sau:

STT	Tên hạng mục	Diện tích (m ²)
I	Hạng mục công trình chính	
1	Phòng khám có 02 ghế nha khoa	26,07
II	Hạng mục công trình phụ trợ	
1	Khu vực khách chờ và quầy tiếp tân	21,5
2	Khu vực nhà vệ sinh	3,42
3	Khu vực phòng trống và cầu thang	10,03
III	Hạng mục công trình bảo vệ môi trường	
1	Hệ thống xử lý nước thải	0,48
Tổng		61,5

- Quy mô, công suất của dự án:

+ Công suất: 02 ghế nha khoa.

+ Số lượng cán bộ công nhân viên: 05 người (01 bác sĩ, còn lại là y sĩ và phụ tá)

+ Số lượng khách: Trung bình 03 – 05 người/ngày, tương đương 90 – 150

người/tháng.

+ Phòng khám hoạt động với Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa răng hàm mặt, thời gian hoạt động 06 giờ/ngày đối với các ngày trong tuần, riêng thứ 7 và chủ nhật là 13 giờ/ngày, cụ thể:

- Thứ 2 đến thứ 6: Hoạt động các giờ từ 6h - 7h; 11h - 13h; 17h - 20h.
- Thứ 7 - Chủ nhật: Từ 7h - 20h.

- Tổng mức đầu tư: 50.000.000 đồng. Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công), có tiêu chí môi trường như dự án đầu tư nhóm III (phân loại theo tiêu chí quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ dự án được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hộ kinh doanh Nha khoa Trương Ngọc có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường (Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành), cơ quan chức năng địa phương (UBND thị trấn An Châu) nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 25 tháng 11 năm 2024 đến ngày 25 tháng 11 năm 2034).

Điều 4. Phòng Tài nguyên và Môi trường, Công chức Địa chính – Xây dựng – Đô thị và Môi trường thuộc UBND thị trấn An Châu tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Hộ kinh doanh Nha khoa Trương Ngọc;
- UBND thị trấn An Châu;
- Cổng Thông tin điện tử huyện;
- Ban Lãnh đạo Phòng;
- Lưu: VT, HS.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Ngọc Được

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 07/GPMT-PTNMT ngày 25/11/2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động vệ sinh của cán bộ công nhân viên làm việc tại Phòng khám và khách đến khám chữa bệnh và người thân đi cùng. Lưu lượng phát sinh 0,25 m³/ngày.

+ Nguồn số 02: Nước thải y tế phát sinh từ quá trình khám, chữa bệnh tại phòng khám (Từ ghế nha khoa). Lưu lượng phát sinh 0,025 m³/ngày.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải: 01 dòng nước thải sau xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải công suất 0,3 m³/ngày, sau đó thoát ra hồ thu nước thải hiện hữu trên trên vỉa hè nằm phía sau Phòng khám.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hồ thu nước thải hiện hữu trên trên vỉa hè nằm phía sau Phòng khám tại số 06 Nguyễn Trãi, khóm Hòa Long 4, thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- 01 vị trí xả nước thải ra hồ thu nước thải hiện hữu trên trên vỉa hè nằm phía sau Phòng khám thuộc thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Vị trí xả nước thải của cơ sở có tọa độ: X= 1155103; Y= 569978 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104°45', múi chiếu 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 0,3 m³/ ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau khi xử lý tại hệ thống xử lý nước thải đạt QCVN 28:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (Cột B) sẽ tự chảy ra nguồn tiếp nhận là hồ thu nước thải hiện hữu trên trên vỉa hè nằm phía sau Phòng khám bằng ống nhựa PVC đường kính 114mm, chiều dài 25m (Cống ngầm).

- Hình thức: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải:

- Chu kỳ xả nước thải: Hằng ngày.

- Thời gian xả nước thải: 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải

bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải (QCVN 28:2010/BTNMT cột B), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 28: 2010/BTNMT (Cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc liên tục, tự động (Nếu có)
1	pH	-	6,5 – 8,5	Chủ cơ sở thực hiện quan trắc 01 lần/năm	Không thuộc đối tượng áp dụng
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	60		
3	COD	mg/l	120		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
5	Sunfua (Tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8		
6	Amoni (Tính theo N)	mg/l	12		
7	Nitrat (Tính theo N)	mg/l	60		
8	Photphat (Tính theo P)	mg/l	12		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24		
10	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000		
11	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPII		
12	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được thu gom về bể tự hoại 03 ngăn thể tích 13,5 m³ để xử lý sơ bộ. Nước thải sau bể tự hoại sẽ qua hệ thống xử lý nước thải y tế, sau đó thoát ra hố thu nước thải hiện hữu trên vỉa hè nằm phía sau Phòng khám bằng đường ống PVC đường kính 114 mm, chiều dài 22 m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Ngăn chứa → Ngăn lọc → Ngăn lắng → Hệ thống xử lý nước thải y tế → Hố thu nước thải hiện hữu trên vỉa hè nằm phía sau Phòng khám.

- Công suất thiết kế: Bể tự hoại có khả năng xử lý khoảng 13,5 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.2. Công trình xử lý nước thải sản xuất:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải y tế → Lưới lọc → Hồ thu nước thải → Ngăn oxy hóa bậc 1 → Tấm lọc nano → Ngăn oxy hóa bậc 2,3 → Khử trùng UVC → Hồ thu nước thải hiện hữu trên vỉa hè nằm phía sau Phòng khám.

- Công suất thiết kế: 0,3 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có

- Chất lượng nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (cột B) trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

Phụ lục 2
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 07 /GPMT-PTNMT ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/tháng)
1	Chất thải lây nhiễm (Bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn	13 01 01	2
2	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	Lỏng	13 01 02	0,25
3	Nước thải y tế	Lỏng	19 10 01	-
Tổng				27

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: không phát sinh,

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 3,375 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại được lưu giữ trong can nhựa màu vàng có nắp đậy kín, thể tích 05 lít.

- Bóng đèn huỳnh quang thải, các thiết bị, linh kiện điện tử, hợp mực in thải bỏ (có chứa thủy ngân, cadimi): bố trí 01 thùng đựng màu vàng bằng nhựa thể tích 05 lít.

- Bao bì cứng bằng vật liệu khác (Chai bi, lọ, vắc xin,...): bố trí 01 thùng nhựa màu xám, thể tích 40 lít có nắp đậy kín.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 0,5 m². Bố trí tại khu vực gần các ghế nha khoa để tiện thu gom chất thải nguy hại.

- Định kỳ hàng năm, đơn vị quản lý dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

- Thời gian lưu chất thải nguy hại không quá 01 năm. Trường hợp lưu giữ quá thời hạn do chưa có phương án vận chuyển xử lý khả thi hoặc chưa tìm được đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý phù hợp thì sẽ báo cáo định kỳ hàng năm về việc lưu giữ chất thải nguy hại tại dự án với cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh bằng văn bản hoặc kết hợp trong báo cáo môi trường định kỳ.

2.2. *Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:* Không có do không phát sinh.

2.3. *Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:*

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 01 thùng nhựa màu nâu loại 12 lít, có nắp đậy đặt trong nhà vệ sinh để thu gom rác từ nhà vệ sinh và 01 thùng nhựa màu xanh thể tích 15 lít đặt 01 góc cố định trong Phòng khám.

2.3.2. Điểm tập kết rác sinh hoạt: Phía trước cơ sở. Hàng ngày đúng giờ quy định có xe thu gom của địa phương đến thu gom, vận chuyển đi xử lý

2.4. *Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:*

Các thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.

Phụ lục 3**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 07/GPMT-PTNMT ngày 25/11/2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG):

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.

3. Nước thải được quản lý để giảm sử dụng, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

5. Sau khi được cấp giấy phép môi trường, Chủ dự án phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải đồng thời với quá trình vận hành thử nghiệm toàn bộ dự án đầu tư để đánh giá sự phù hợp và đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường. Trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chủ dự án đầu tư phải tuân thủ yêu cầu về bảo vệ môi trường theo giấy phép môi trường và quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

6. Thực hiện nghiêm túc các nội dung khác theo báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án Phòng khám nha khoa Trương Ngọc (đính kèm theo).

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.